ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THỜI GIAN HỌC TẬP VÀ GIẢNG DẠY

SÁNG			CHIỀU			TỐI		
Tiết	**Thời gian học**	**Nghỉ**	**Tiết**	**Thời gian học**	**Nghỉ**	**Tiết**	**Thời gian học**	**Nghỉ**
1	07h00’ ÷ 07h50’	10’	7	13h00’ ÷ 13h50’	10’	13	19h00’ ÷ 19h50’	10’
2	08h00’ ÷ 08h50’	10’	8	14h00’ ÷ 14h50’	10’	14	20h00’ ÷ 20h50’	
3	09h00’ ÷ 09h50’	10’	9	15h00’ ÷ 15h50’	10’			
4	10h00’ ÷ 10h50’	10’	10	16h00’ ÷ 16h50’	10’			
5	11h00’ ÷ 11h50’	10’	11	17h00’ ÷ 17h50’	10’			
6	12h00’ ÷ 12h50’	10’	12	18h00’ ÷ 18h50’	10’			

Ghi chú: Áp dụng thống nhất đối với cả giờ học tại giảng đường, tại phòng máy tính, phòng thí nghiệm.

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ

THỜI KHÓA BIỂU
HỌC KỲ II NĂM HỌC 2019-2020

Mã học phần	Học phần	TC	Mã LHP	Số SV	Giảng viên	Buổi	Thứ	Tiết	Giảng đường	Ghi chú
Lớp học phần dành cho sinh viên QH-2019-I/CQ ngành Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử										
Lớp số 1										
MAT1093	Đại số	4	MAT1093 26	70	PGS.TS. Đào Như Mai	Sáng	2	1-2	207-GĐ3	CL
MAT1093	Đại số	4	MAT1093 26	23	ThS. Đào Thị Bích Thảo	Chiều	6	7-8	215-GĐ3	N1
MAT1093	Đại số	4	MAT1093 26	23	ThS. Đào Thị Bích Thảo	Chiều	6	9-10	216-GĐ3	N2
MAT1093	Đại số	4	MAT1093 26	24	ThS. Đào Thị Bích Thảo	Chiều	6	11-12	216-GĐ3	N3
MAT1042	Giải tích 2	4	MAT1042 26	70	TS. Nguyễn Văn Quang	Sáng	2	3-4	207-GĐ3	CL
MAT1042	Giải tích 2	4	MAT1042 26	23	TS. Nguyễn Văn Quang	Chiều	6	9-10	215-GĐ3	N1
MAT1042	Giải tích 2	4	MAT1042 26	23	TS. Nguyễn Văn Quang	Chiều	6	11-12	215-GĐ3	N2
MAT1042	Giải tích 2	4	MAT1042 26	24	TS. Nguyễn Văn Quang	Chiều	6	7-8	216-GĐ3	N3
EPN1095	Vật lý đại cương 1	2	EPN1095 26	70	PGS.TS. Nguyễn Phương Hoài Nam	Sáng	4	3-4	207-GĐ3	CL
PEC1008	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	PEC1008 26	70	PGS.TS. Đào Thị Ngọc Minh	Sáng	4	1-2	207-GĐ3	CL
Lớp số 2										
MAT1093	Đại số	4	MAT1093 27	70	PGS.TS. Đào Như Mai	Sáng	2	3-4	208-GĐ3	CL
MAT1093	Đại số	4	MAT1093 27	23	TS. Trần Thanh Tùng	Sáng	6	1-2	210-GĐ3	N1
MAT1093	Đại số	4	MAT1093 27	23	TS. Trần Thanh Tùng	Sáng	6	3-4	211-GĐ3	N2
MAT1093	Đại số	4	MAT1093 27	24	TS. Trần Thanh Tùng	Sáng	6	5-6	211-GĐ3	N3
MAT1042	Giải tích 2	4	MAT1042 27	70	TS. Nguyễn Văn Quang	Sáng	2	1-2	208-GĐ3	CL
MAT1042	Giải tích 2	4	MAT1042 27	23	TS. Nguyễn Văn Quang	Sáng	6	3-4	210-GĐ3	N1
MAT1042	Giải tích 2	4	MAT1042 27	23	TS. Nguyễn Văn Quang	Sáng	6	1-2	211-GĐ3	N2
MAT1042	Giải tích 2	4	MAT1042 27	24	TS. Nguyễn Văn Quang	Sáng	4	5-6	208-GĐ3	N3
EPN1095	Vật lý đại cương 1	2	EPN1095 27	70	PGS.TS. Nguyễn Phương Hoài Nam	Sáng	4	1-2	208-GĐ3	CL
PEC1008	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	PEC1008 27	70	PGS.TS. Đào Thị Ngọc Minh	Sáng	4	3-4	208-GĐ3	CL
Lớp học phần dành cho sinh viên QH-2019-I/CQ nhóm ngành Công nghệ kỹ thông tin										
Lớp số 1										
MAT1093	Đại số	4	MAT1093 20	60	TS. Đào Quang Khải	Sáng	3	1-2	205-GĐ3	CL
MAT1093	Đại số	4	MAT1093 20	30	TS. Đào Quang Khải	Sáng	7	1-2	216-GĐ3	N1
MAT1093	Đại số	4	MAT1093 20	30	TS. Đào Quang Khải	Sáng	7	3-4	217-GĐ3	N2

Mã học phần	Học phần	TC	Mã LHP	Số SV	Giảng viên	Buổi	Thứ	Tiết	Giảng đường	Ghi chú
MAT1042	Giải tích 2	4	MAT1042 20	60	TS. Nguyễn Văn Quang	Sáng	5	1-2	205-GĐ3	CL
MAT1042	Giải tích 2	4	MAT1042 20	30	TS. Nguyễn Văn Quang	Sáng	7	3-4	216-GĐ3	N1
MAT1042	Giải tích 2	4	MAT1042 20	30	TS. Nguyễn Văn Quang	Sáng	7	1-2	217-GĐ3	N2
PHY1100	Cơ – Nhiệt (học tuần 1,2,4,6,7,9,10,11,13,15)	3	PHY1100 20	60	TS. Nguyễn Thị Minh Hồng	Sáng	3	3-5	205-GĐ3	CL
PHY1100	Cơ – Nhiệt (học tuần 3,5,8,12,14)	3	PHY1100 20	30	ThS. Nguyễn Thị Dung	Sáng	3	3-4	205-GĐ3	N1
PHY1100	Cơ – Nhiệt (học tuần 3,5,8,12,14)	3	PHY1100 20	30	ThS. Nguyễn Thị Dung	Sáng	3	5-6	205-GĐ3	N2
INT2215	Lập trình nâng cao	4	INT2215 20	60	TS. Trần Thị Minh Châu	Sáng	5	3-4	205-GĐ3	CL
INT2215	Lập trình nâng cao	4	INT2215 20	30	ThS. Nguyễn Minh Thuận	Chiều	5	7-8	PM307-G2	N1
INT2215	Lập trình nâng cao	4	INT2215 20	30	Khoa CNTT	Chiều	5	9-10	PM307-G2	N2
Lớp số 2										
MAT1093	Đại số	4	MAT1093 21	60	TS. Nguyễn Hoàng Thạch	Sáng	3	3-4	206-GĐ3	CL
MAT1093	Đại số	4	MAT1093 21	30	ThS. Dư Thành Hưng	Sáng	7	2-3	214-GĐ3	N1
MAT1093	Đại số	4	MAT1093 21	30	ThS. Dư Thành Hưng	Sáng	7	4-5	215-GĐ3	N2
MAT1042	Giải tích 2	4	MAT1042 21	60	TS. Lê Phê Đô	Chiều	5	7-8	207-GĐ3	CL
MAT1042	Giải tích 2	4	MAT1042 21	30	TS. Lê Phê Đô	Sáng	7	4-5	214-GĐ3	N1
MAT1042	Giải tích 2	4	MAT1042 21	30	TS. Lê Phê Đô	Sáng	7	2-3	215-GĐ3	N2
PHY1100	Cơ – Nhiệt (học tuần 1,2,4,6,7,9,10,11,13,15)	3	PHY1100 21	60	TS. Nguyễn Đức Cường	Chiều	5	9-11	207-GĐ3	CL
PHY1100	Cơ – Nhiệt (học tuần 3,5,8,12,14)	3	PHY1100 21	30	ThS. Nguyễn Đăng Cơ	Chiều	5	9-10	207-GĐ3	N1
PHY1100	Cơ – Nhiệt (học tuần 3,5,8,12,14)	3	PHY1100 21	30	ThS. Nguyễn Đăng Cơ	Chiều	5	11-12	207-GĐ3	N2
INT2215	Lập trình nâng cao	4	INT2215 21	60	TS. Trần Thị Minh Châu	Sáng	3	1-2	206-GĐ3	CL
INT2215	Lập trình nâng cao	4	INT2215 21	30	ThS. Nguyễn Minh Thuận	Chiều	3	7-8	PM305-G2	N1
INT2215	Lập trình nâng cao	4	INT2215 21	30	Khoa CNTT	Chiều	3	9-10	PM305-G2	N2
Lớp số 3										
MAT1093	Đại số	4	MAT1093 22	60	TS. Nguyễn Bích Vân	Chiều	3	7-8	205-GĐ3	CL
MAT1093	Đại số	4	MAT1093 22	30	ThS. Nguyễn Huyền Mười	Chiều	5	7-8	217-GĐ3	N1
MAT1093	Đại số	4	MAT1093 22	30	ThS. Nguyễn Huyền Mười	Chiều	5	9-10	211-GĐ3	N2
MAT1042	Giải tích 2	4	MAT1042 22	60	TS. Nguyễn Văn Quang	Sáng	5	3-4	207-GĐ3	CL
MAT1042	Giải tích 2	4	MAT1042 22	30	TS. Nguyễn Văn Quang	Chiều	5	9-10	217-GĐ3	N1
MAT1042	Giải tích 2	4	MAT1042 22	30	TS. Nguyễn Văn Quang	Chiều	5	11-12	217-GĐ3	N2
PHY1100	Cơ – Nhiệt (học tuần 1,2,4,6,7,9,10,11,13,15)	3	PHY1100 22	60	TS. Nguyễn Thị Minh Hồng	Chiều	3	9-11	205-GĐ3	CL
PHY1100	Cơ – Nhiệt (học tuần 3,5,8,12,14)	3	PHY1100 22	30	ThS. Nguyễn Đăng Cơ	Chiều	3	9-10	205-GĐ3	N1
PHY1100	Cơ – Nhiệt (học tuần 3,5,8,12,14)	3	PHY1100 22	30	ThS. Nguyễn Đăng Cơ	Chiều	3	11-12	205-GĐ3	N2

Mã học phần	Học phần	TC	Mã LHP	Số SV	Giảng viên	Buổi	Thứ	Tiết	Giảng đường	Ghi chú
INT2215	Lập trình nâng cao	4	INT2215 22	60	TS. Trần Thị Minh Châu	Sáng	5	1-2	207-GĐ3	CL
INT2215	Lập trình nâng cao	4	INT2215 22	30	ThS. Nguyễn Minh Thuận	Sáng	3	1-2	PM307-G2	N1
INT2215	Lập trình nâng cao	4	INT2215 22	30	Khoa CNTT	Sáng	3	3-4	PM307-G2	N2
Lớp số 4										
MAT1093	Đại số	4	MAT1093 23	60	TS. Nguyễn Tất Thắng	Chiều	3	9-10	206-GĐ3	CL
MAT1093	Đại số	4	MAT1093 23	30	ThS. Phong Thị Thu Huyền	Chiều	7	7-8	214-GĐ3	N1
MAT1093	Đại số	4	MAT1093 23	30	ThS. Phong Thị Thu Huyền	Chiều	7	9-10	215-GĐ3	N2
MAT1042	Giải tích 2	4	MAT1042 23	60	TS. Lê Phê Đô	Chiều	5	9-10	206-GĐ3	CL
MAT1042	Giải tích 2	4	MAT1042 23	30	TS. Lê Phê Đô	Chiều	3	11-12	206-GĐ3	N1
MAT1042	Giải tích 2	4	MAT1042 23	30	TS. Lê Phê Đô	Chiều	5	11-12	206-GĐ3	N2
EPN1095	Vật lý đại cương 1	2	EPN1095 23	60	TS. Nguyễn Thị Yến Mai TS. Tống Quang Công	Chiều	3	7-8	206-GĐ3	CL
INT2215	Lập trình nâng cao	4	INT2215 23	60	TS. Nguyễn Văn Vinh	Chiều	5	7-8	206-GĐ3	CL
INT2215	Lập trình nâng cao	4	INT2215 23	30	ThS. Nguyễn Minh Thuận	Sáng	7	1-2	PM307-G2	N1
INT2215	Lập trình nâng cao	4	INT2215 23	30	Khoa CNTT	Sáng	7	3-4	PM307-G2	N2
Lớp học phần dành cho sinh viên QH-2019-I/CQ nhóm ngành Công nghệ kỹ thuật Điện tử - Viễn thông										
Lớp số 1										
MAT1093	Đại số	4	MAT1093 24	70	TS. Hồ Minh Toàn	Sáng	2	1-2	205-GĐ3	CL
MAT1093	Đại số	4	MAT1093 24	23	TS. Nguyễn Tất Thắng	Sáng	6	1-2	216-GĐ3	N1
MAT1093	Đại số	4	MAT1093 24	23	TS. Nguyễn Tất Thắng	Sáng	6	3-4	217-GĐ3	N2
MAT1093	Đại số	4	MAT1093 24	24	TS. Nguyễn Tất Thắng	Sáng	6	5-6	217-GĐ3	N3
MAT1042	Giải tích 2	4	MAT1042 24	70	TS. Trần Thanh Hải	Sáng	4	1-2	205-GĐ3	CL
MAT1042	Giải tích 2	4	MAT1042 24	23	TS. Trần Thanh Hải	Sáng	6	3-4	216-GĐ3	N1
MAT1042	Giải tích 2	4	MAT1042 24	23	TS. Trần Thanh Hải	Sáng	6	5-6	216-GĐ3	N2
MAT1042	Giải tích 2	4	MAT1042 24	24	TS. Trần Thanh Hải	Sáng	6	1-2	217-GĐ3	N3
INT2215	Lập trình nâng cao	4	INT2215 24	70	PGS.TS. Nguyễn Việt Anh	Sáng	4	3-4	205-GĐ3	CL
INT2215	Lập trình nâng cao	4	INT2215 24	23	Khoa CNTT	Chiều	4	7-8	PM307-G2	N1
INT2215	Lập trình nâng cao	4	INT2215 24	23	Khoa CNTT	Chiều	4	9-10	PM307-G2	N2
INT2215	Lập trình nâng cao	4	INT2215 24	24	Khoa CNTT	Chiều	4	11-12	PM307-G2	N3
PHY1103	Điện và Quang (học tuần 1,2,4,6,7,9,10,11,13,15)	3	PHY1103 24	70	TS. Nguyễn Thị Yến Mai	Sáng	2	3-5	205-GĐ3	CL
PHY1103	Điện và Quang (học tuần 3,5,8,12,14)	3	PHY1103 24	35	ThS. Mai Thị Ngọc Ánh	Sáng	2	3-4	205-GĐ3	N1
PHY1103	Điện và Quang (học tuần 3,5,8,12,14)	3	PHY1103 24	35	ThS. Mai Thị Ngọc Ánh	Sáng	2	5-6	205-GĐ3	N2

Mã học phần	Học phần	TC	Mã LHP	Số SV	Giảng viên	Buổi	Thứ	Tiết	Giảng đường	Ghi chú
ELT2028	Chuyên nghiệp trong công nghệ	2	ELT2028 24	70	TS. Hoàng Văn Xiêm	Chiều	6	7-8	208-GĐ3	CL
Lớp số 2										
MAT1093	Đại số	4	MAT1093 25	70	TS. Lê Xuân Thanh	Chiều	4	11-12	205-GĐ3	CL
MAT1093	Đại số	4	MAT1093 25	23	NCS. Đỗ Thái Dương	Sáng	6	1-2	214-GĐ3	N1
MAT1093	Đại số	4	MAT1093 25	23	NCS. Đỗ Thái Dương	Sáng	6	3-4	215-GĐ3	N2
MAT1093	Đại số	4	MAT1093 25	24	NCS. Đỗ Thái Dương	Sáng	6	5-6	215-GĐ3	N3
MAT1042	Giải tích 2	4	MAT1042 25	70	TS. Trần Thanh Hải	Chiều	4	9-10	205-GĐ3	CL
MAT1042	Giải tích 2	4	MAT1042 25	23	ThS. Nguyễn Văn Tùng	Sáng	6	3-4	214-GĐ3	N1
MAT1042	Giải tích 2	4	MAT1042 25	23	ThS. Nguyễn Văn Tùng	Sáng	6	5-6	214-GĐ3	N2
MAT1042	Giải tích 2	4	MAT1042 25	24	ThS. Nguyễn Văn Tùng	Sáng	6	1-2	215-GĐ3	N3
INT2215	Lập trình nâng cao	4	INT2215 25	70	TS. Hoàng Thị Điệp	Chiều	2	7-8	205-GĐ3	CL
INT2215	Lập trình nâng cao	4	INT2215 25	23	CN. Nguyễn Minh Tuấn	Sáng	4	1-2	PM305-G2	N1
INT2215	Lập trình nâng cao	4	INT2215 25	23	CN. Nguyễn Minh Tuấn	Sáng	4	3-4	PM305-G2	N2
INT2215	Lập trình nâng cao	4	INT2215 25	24	CN. Nguyễn Minh Tuấn	Sáng	4	5-6	PM305-G2	N3
PHY1103	Điện và Quang (học tuần 1,2,4,6,7,9,10,11,13,15)	3	PHY1103 25	70	TS. Hồ Thị Anh	Chiều	2	9-11	205-GĐ3	CL
PHY1103	Điện và Quang (học tuần 3,5,8,12,14)	3	PHY1103 25	35	ThS. Mai Thị Ngọc Ánh	Chiều	2	9-10	205-GĐ3	N1
PHY1103	Điện và Quang (học tuần 3,5,8,12,14)	3	PHY1103 25	35	ThS. Mai Thị Ngọc Ánh	Chiều	2	11-12	205-GĐ3	N2
ELT2028	Chuyên nghiệp trong công nghệ	2	ELT2028 25	70	TS. Trần Thị Thúy Quỳnh	Chiều	6	9-10	208-GĐ3	CL
Lớp học phần dành cho sinh viên QH-2018-I/CQ ngành Khoa học máy tính										
Lớp số 1										
INT1003	Tin học cơ sở 1 (học ngày 07/02 & 28/2/2020)	2	INT1003 20	60	TS. Dương Lê Minh	Sáng	6	7-8	207-GĐ3	CL
INT1003	Tin học cơ sở 1 (học ngày 03/02 & 24/02/2020)	2	INT1003 20	30	HVCH. Nguyễn Tuấn Anh	Sáng	2	1-3	PM305-G2	N1
INT1003	Tin học cơ sở 1 (học ngày 03/02 & 24/02/2020)	2	INT1003 20	30	HVCH. Nguyễn Tuấn Anh	Sáng	2	4-6	PM305-G2	N2
PHI1005	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 2	3	PHI1005 20	60	Trường ĐHKHXH&NV	Sáng	5	3-5	206-GĐ3	CL
INT2209	Mạng máy tính (*)	3	INT2209 20	60	PGS.TS. Nguyễn Hoài Sơn	Sáng	4	4-5	206-GĐ3	T.Anh
INT2209	Mạng máy tính (*) (học thực hành từ tuần 6 của HK)	3	INT2209 20	30	ThS. Đào Minh Thư	Sáng	2	1-3	PM305-G2	N1
INT2209	Mạng máy tính (*) (học thực hành từ tuần 6 của HK)	3	INT2209 20	30	ThS. Đào Minh Thư	Sáng	2	4-6	PM305-G2	N2
INT2208	Công nghệ phần mềm (*)	3	INT2208 20	60	PGS.TS. Phạm Ngọc Hùng	Sáng	4	1-3	206-GĐ3	T.Anh
INT2207	Cơ sở dữ liệu (*)	3	INT2207 20	60	TS. Nguyễn Tuệ	Sáng	3	1-2	207-GĐ3	T.Anh
INT2207	Cơ sở dữ liệu (*)	3	INT2207 20	30	ThS. Phạm Hải Đăng	Sáng	2	5-6	PM405-E3	N1

Mã học phần	Học phần	TC	Mã LHP	Số SV	Giảng viên	Buổi	Thứ	Tiết	Giảng đường	Ghi chú
INT2207	Cơ sở dữ liệu (*)	3	INT2207 20	30	ThS. Phạm Hải Đăng	Sáng	2	1-2	PM313-G2	N2
INT1050	Toán học rời rạc	4	INT1050 20	60	TS. Đỗ Đức Đông	Sáng	3	3-6	207-GĐ3	
Lớp số 2										
INT1003	Tin học cơ sở 1 (học ngày 14/02 và 06/03/2020)	2	INT1003 21	60	TS. Dương Lê Minh	Sáng	6	7-8	207-GĐ3	CL
INT1003	Tin học cơ sở 1 (học ngày 13/02 và 05/03/2020)	2	INT1003 21	30	HVCH. Nguyễn Tuấn Anh	Sáng	5	1-3	PM305-G2	N1
INT1003	Tin học cơ sở 1 (học ngày 13/02 và 05/03/2020)	2	INT1003 21	30	HVCH. Nguyễn Tuấn Anh	Sáng	5	4-6	PM305-G2	N2
PHI1005	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 2	3	PHI1005 21	60	TS. Nguyễn Thị Thu Hường	Chiều	4	7-9	211-GĐ3	CL
INT2209	Mạng máy tính (*)	3	INT2209 21	60	TS. Hoàng Xuân Tùng	Chiều	2	10-11	206-GĐ3	T.Anh
INT2209	Mạng máy tính (*) (học thực hành từ tuần 6 của HK)	3	INT2209 21	30	ThS. Đào Minh Thư	Sáng	5	1-3	PM305-G2	N1
INT2209	Mạng máy tính (*) (học thực hành từ tuần 6 của HK)	3	INT2209 21	30	ThS. Đào Minh Thư	Sáng	5	4-6	PM305-G2	N2
INT2208	Công nghệ phần mềm (*)	3	INT2208 21	60	TS. Vũ Thị Hồng Nhạn	Chiều	2	7-9	206-GĐ3	T.Anh
INT2207	Cơ sở dữ liệu (*)	3	INT2207 21	60	TS. Nguyễn Tuệ	Chiều	3	7-8	207-GĐ3	T.Anh
INT2207	Cơ sở dữ liệu (*)	3	INT2207 21	30	ThS. Lê Hoàng Quỳnh	Sáng	5	5-6	PM202-G2	N1
INT2207	Cơ sở dữ liệu (*)	3	INT2207 21	30	ThS. Lê Hoàng Quỳnh	Sáng	5	1-2	PM405-E3	N2
INT1050	Toán học rời rạc	4	INT1050 21	60	TS. Đỗ Đức Đông	Chiều	3	9-12	207-GĐ3	CL
Lớp số 3										
INT1003	Tin học cơ sở 1 (học ngày 21/02 & 20/03/2020)	2	INT1003 22	60	TS. Dương Lê Minh	Sáng	6	7-8	207-GĐ3	CL
INT1003	Tin học cơ sở 1 (học ngày 11/02 & 03/03/2020)	2	INT1003 22	30	HVCH. Nguyễn Tuấn Anh	Sáng	3	1-3	PM313-G2	N1
INT1003	Tin học cơ sở 1 (học ngày 11/02 & 03/03/2020)	2	INT1003 22	30	HVCH. Nguyễn Tuấn Anh	Sáng	3	4-6	PM313-G2	N2
PHI1005	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 2	3	PHI1005 22	60	Trường ĐHKHXH&NV	Sáng	2	3-5	206-GĐ3	CL
INT2209	Mạng máy tính (*)	3	INT2209 22	60	TS. Phạm Mạnh Linh	Sáng	5	2-3	208-GĐ3	T.Anh
INT2209	Mạng máy tính (*) (học thực hành từ tuần 6 của HK)	3	INT2209 22	30	HVCH. Đặng Văn Đô	Sáng	3	1-3	PM313-G2	N1
INT2209	Mạng máy tính (*) (học thực hành từ tuần 6 của HK)	3	INT2209 22	30	HVCH. Đặng Văn Đô	Sáng	3	4-6	PM313-G2	N2
INT2208	Công nghệ phần mềm (*)	3	INT2208 22	60	TS. Đặng Đức Hạnh	Sáng	6	3-5	205-GĐ3	T.Anh
INT2207	Cơ sở dữ liệu (*)	3	INT2207 22	60	TS. Nguyễn Thị Hậu	Sáng	5	4-5	208-GĐ3	T.Anh
INT2207	Cơ sở dữ liệu (*)	3	INT2207 22	30	ThS. Phạm Hải Đăng	Chiều	4	7-8	PM305-G2	N1
INT2207	Cơ sở dữ liệu (*)	3	INT2207 22	30	ThS. Phạm Hải Đăng	Chiều	4	9-10	PM305-G2	N2
INT1050	Toán học rời rạc	4	INT1050 22	60	TS. Đỗ Đức Đông	Chiều	6	9-12	207-GĐ3	CL

Mã học phần	Học phần	TC	Mã LHP	Số SV	Giảng viên	Buổi	Thứ	Tiết	Giảng đường	Ghi chú
MAT1101	*Xác suất thống kê*	*3*	*MAT1101 20*	*60*	*TS. Đặng Thanh Hải*	*Sáng*	*7*	*3-5*	*207-GĐ3*	*CL*
INT3401	*Trí tuệ nhân tạo*	*4*	*INT3401 23*	*60*	*PGS.TS. Phạm Bảo Sơn*	*Chiều*	*5*	*9-11*	*313-GĐ2*	*CL*
Lớp học phần dành cho sinh viên QH-2018-I/CQ nhóm ngành Công nghệ kỹ thuật Điện tử - Viễn thông										
Lớp số 1										
INT1003	Tin học cơ sở 1 (học ngày 05/02 & 26/02/2020)	2	INT1003 24	60	TS. Ngô Thị Duyên	Chiều	4	7-8	208-GĐ3	CL
INT1003	Tin học cơ sở 1 (học ngày 08/02 & 29/02/2020)	2	INT1003 24	30	ThS. Cấn Duy Cát	Sáng	7	1-3	PM313-G2	N1
INT1003	Tin học cơ sở 1 (học ngày 08/02 & 29/02/2020)	2	INT1003 24	30	ThS. Cấn Duy Cát	Sáng	7	4-6	PM313-G2	N2
ELT2035	Tín hiệu và hệ thống	3	ELT2035 24	60	TS. Nguyễn Hồng Thịnh	Chiều	2	7-9	207-GĐ3	T.Anh
PHI1005	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 2	3	PHI1005 24	60	Trường ĐHKHXH&NV	Chiều	4	9-11	208-GĐ3	CL
ELT2032	Linh kiện điện tử(*)	3	ELT2032 24	60	PGS.TS. Bùi Thanh Tùng	Sáng	6	1-3	206-GĐ3	T.Anh
ELT 3046	Mạng truyền thông máy tính 1(*)	3	ELT 3046 24	60	PGS.TS. Nguyễn Nam Hoàng	Chiều	5	7-9	205-GĐ3	T.Anh
ELT 3046	Mạng truyền thông máy tính 1(*) (Bắt đầu từ tuần 11)	3	ELT 3046 24	30	PGS.TS. Nguyễn Nam Hoàng TS. Bùi Trung Ninh	Chiều	6	7-12	202-G2	N1
ELT 3046	Mạng truyền thông máy tính 1(*) (Bắt đầu từ tuần 11)	3	ELT 3046 24	30	PGS.TS. Nguyễn Nam Hoàng TS. Bùi Trung Ninh	Sáng	7	1-6	202-G2	N2
ELT 3046	Mạng truyền thông máy tính 1(*) (Bắt đầu từ tuần 11)	3	ELT 3046 24		PGS.TS. Nguyễn Nam Hoàng TS. Bùi Trung Ninh	Chiều	7	7-12	202-G2	N3
MNS1052	Khoa học quản lý đại cương	2	MNS1052 24	60	Trường ĐHKHXH&NV	Chiều	2	10-11	207-GĐ3	CL
ELT3043	Truyền thông (*)	3	ELT3043 24	60	PGS.TS. Trịnh Anh Vũ	Chiều	3	7-9	208-GĐ3	T.Anh
ELT2031	Mô hình hóa và mô phỏng (*)	2	ELT2031 24	60	TS. Trần Cao Quyền	Chiều	3	10-11	208-GĐ3	CL
ELT2031	Mô hình hóa và mô phỏng (*)	2	ELT2031 24	30	TS. Trần Cao Quyền	Sáng	4	1-2	PM307-G2	N1
Lớp số 2										
INT1003	Tin học cơ sở 1 (học ngày 12/02 và 04/03/2020)	2	INT1003 25	60	TS. Ngô Thị Duyên	Chiều	4	7-8	208-GĐ3	CL
INT1003	Tin học cơ sở 1 (học ngày 15/02 & 07/03/2020)	2	INT1003 25	30	ThS. Cấn Duy Cát	Sáng	7	1-3	PM313-G2	N1
INT1003	Tin học cơ sở 1 (học ngày 15/02 & 07/03/2020)	2	INT1003 25	30	ThS. Cấn Duy Cát	Sáng	7	4-6	PM313-G2	N2
ELT2035	Tín hiệu và hệ thống	3	ELT2035 25	60	TS. Nguyễn Hồng Thịnh	Chiều	3	7-9	209-GĐ3	T.Anh
PHI1005	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 2	3	PHI1005 25	60	Trường ĐHKHXH&NV	Chiều	2	9-11	208-GĐ3	CL
ELT2032	Linh kiện điện tử(*)	3	ELT2032 25	60	TS. Phạm Ngọc Thảo	Chiều	5	7-9	208-GĐ3	T.Anh
ELT 3046	Mạng truyền thông máy tính 1(*)	3	ELT 3046 25	60	PGS.TS. Nguyễn Quốc Tuấn	Chiều	3	10-12	209-GĐ3	T.Anh
ELT 3046	Mạng truyền thông máy tính 1(*) (Bắt đầu từ tuần 11)	3	ELT 3046 25	30	PGS.TS Nguyễn Quốc Tuấn TS. Bùi Trung Ninh	Sáng	3	1-6	202-G2	N1

Mã học phần	Học phần	TC	Mã LHP	Số SV	Giảng viên	Buổi	Thứ	Tiết	Giảng đường	Ghi chú
ELT 3046	Mạng truyền thông máy tính 1(*) (Bắt đầu từ tuần 11)	3	ELT 3046 25		PGS.TS Nguyễn Quốc Tuấn TS. Bùi Trung Ninh	Sáng	4	1-6	202-G2	N2
ELT 3046	Mạng truyền thông máy tính 1(*) (Bắt đầu từ tuần 11)	3	ELT 3046 25	30	PGS.TS Nguyễn Quốc Tuấn TS. Bùi Trung Ninh	Sáng	5	1-6	202-G2	N3
MNS1052	Khoa học quản lý đại cương	2	MNS1052 25	60	Trường ĐHKHXH&NV	Chiều	2	7-8	208-GĐ3	CL
ELT3043	Truyền thông (*)	3	ELT3043 25	60	PGS.TS. Trịnh Anh Vũ	Chiều	4	9-11	209-GĐ3	T.Anh
ELT2031	Mô hình hóa và mô phỏng (*)	2	ELT2031 25	60	TS. Đinh Thị Thái Mai	Chiều	5	10-11	208-GĐ3	CL
Lớp học phần dành cho sinh viên QH-2017-I/CQ ngành Khoa học máy tính										
INT2206	Nguyên lý hệ điều hành	3	INT2206 20	60	PGS.TS. Nguyễn Trí Thành	Sáng	2	3-5	210-GĐ3	T.Anh
HIS1002	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	HIS1002 20	60	Trường ĐHKHXH&NV	Sáng	3	1-3	210-GĐ3	CL
INT3414	Chuyên đề Công nghệ	3	INT3414 20	60	PGS.TS. Lê Thanh Hà	Sáng	2	1-2	210-GĐ3	CL
INT3401	Trí tuệ nhân tạo	3	INT3401 20	60	PGS.TS. Nguyễn Thị Nhật Thanh	Sáng	3	4-6	210-GĐ3	T.Anh
INT2206	Nguyên lý hệ điều hành	3	INT2206 21	60	PGS.TS. Nguyễn Trí Thành	Sáng	3	3-5	211-GĐ3	T.Anh
HIS1002	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	HIS1002 21	60	Trường ĐHKHXH&NV	Sáng	2	1-3	211-GĐ3	CL
INT3414	Chuyên đề Công nghệ	3	INT3414 21	60	PGS.TS. Nguyễn Thị Nhật Thanh	Sáng	3	1-2	211-GĐ3	CL
INT3401	Trí tuệ nhân tạo	3	INT3401 21	60	TS. Nguyễn Văn Vinh	Sáng	2	4-6	211-GĐ3	T.Anh
INT2206	Nguyên lý hệ điều hành	3	INT2226 22	60	PGS.TS. Phan Xuân Hiếu	Chiều	4	10-12	210-GĐ3	T.Anh
HIS1002	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	HIS1002 22	60	Trường ĐHKHXH&NV	Chiều	3	9-11	210-GĐ3	CL
INT3414	Chuyên đề Công nghệ	3	INT3414 22	60	TS. Nguyễn Thị Ngọc Diệp	Chiều	3	7-8	210-GĐ3	CL
INT3401	Trí tuệ nhân tạo	3	INT3401 22	60	GS.TS. Nguyễn Thanh Thủy	Chiều	4	7-9	210-GĐ3	T.Anh
	Học phần tự chọn	***15***								
INT3206	Cơ sở dữ liệu phân tán	3	INT3206 20	60	ThS. Vũ Bá Duy	Sáng	4	3-5	210-GĐ3	T.Anh
INT3411	Xử lý tiếng nói	3	INT3411 20	60	TS. Trần Quốc Long	Chiều	6	10-12	209-GĐ3	CL
INT3409	Robotic	3	INT3409 20	60	TS. Tạ Việt Cường	Sáng	4	1-2	210-GĐ3	CL
INT3409	Robotic	3	INT3409 20	60	HVCH. Nguyễn Đình Tuân	Chiều	6	7-8	PM201-G2	N1
INT3409	Robotic	3	INT3409 20	60	HVCH. Nguyễn Tuấn Anh	Chiều	6	9-10	PM201-G2	N2
INT3402	Chương trình dịch	3	INT3402 20	60	PGS.TS. Nguyễn Phương Thái	Chiều	5	10-12	209-GĐ3	CL
INT3413	Web ngữ nghĩa	3	INT3413 20	60	PGS.TS. Lê Hoàng Sơn	Chiều	5	7-9	209-GĐ3	CL
INT3412	Thị giác máy	3	INT3412 20	60	PGS.TS. Lê Thanh Hà	Sáng	6	1-3	209-GĐ3	CL
INT3404	Xử lý ảnh	3	INT3404 20	60	TS. Nguyễn Thị Ngọc Diệp	Chiều	2	8-10	209-GĐ3	CL
INT3405	Học máy	3	INT3405 20	60	TS. Trần Quốc Long	Sáng	6	4-6	206-GĐ3	CL
INT3405	Học máy	3	INT3405 21	40	TS. Lê Quang Hiếu	Sáng	5	4-6	213-GĐ3	CL
INT3505	Kiến trúc hướng dịch vụ	3	INT3505 20	60	TS. Võ Đình Hiếu	Sáng	5	1-3	107-G2	CL

Mã học phần	Học phần	TC	Mã LHP	Số SV	Giảng viên	Buổi	Thứ	Tiết	Giảng đường	Ghi chú
Lớp học phần dành cho sinh viên QH-2017-I/CQ nhóm ngành Công nghệ kỹ thuật Điện tử, truyền thông										
ELT2036	Kỹ thuật điện từ (*)	3	ELT2036 26	65	TS. Trần Cao Quyền	Sáng	2	1-3	209-GĐ3	T.Anh
ELT2031	Mô hình hóa và mô phỏng (*)	2	ELT2031 26	65	TS. Hoàng Văn Xiêm TS. Nguyễn Hồng Thịnh	Sáng	2	4-5	209-GĐ3	T.Anh
ELT2031	Mô hình hóa và mô phỏng (*)	2	ELT2031 26	32	TS. Hoàng Văn Xiêm TS. Nguyễn Hồng Thịnh	Sáng	5	3-4	PM405-E3	N1
ELT2031	Mô hình hóa và mô phỏng (*)	2	ELT2031 26	33	TS. Hoàng Văn Xiêm TS. Nguyễn Hồng Thịnh	Sáng	5	5-6	PM405-E3	N2
ELT3051	Kỹ thuật điều khiển	3	ELT3051 26	65	TS. Nguyễn Thị Thanh Vân	Sáng	4	1-3	209-GĐ3	T.Anh
ELT3103	Thực tập điện tử số	2	ELT3103 26	24	ThS. Nguyễn Vinh Quang ThS. Chu Thị Phương Dung	Chiều	6	8-12	210-G2	N1
ELT3103	Thực tập điện tử số	2	ELT3103 27	24	ThS. Phạm Đình Tuân ThS. Trần Như Chí	Chiều	7	7-11	210-G2	N2
ELT3103	Thực tập điện tử số	2	ELT3103 28	24	ThS. Đặng Anh Việt ThS. Trần Như Chí	Sáng	4	7-11	210-G2	N3
ELT3102	Thực tập điện tử tương tự	2	ELT3102 26	24	TS. Phạm Ngọc Thảo ThS. Trần Như Chí	Chiều	2	7-12	209-G2	N1
ELT3102	Thực tập điện tử tương tự	2	ELT3102 27	24	ThS. Nguyễn Vinh Quang ThS. Chu Thị Phương Dung	Chiều	4	7-11	209-G2	N2
ELT3102	Thực tập điện tử tương tự	2	ELT3102 28	24	TS. Phạm Ngọc Thảo ThS. Trần Như Chí	Chiều	6	8-12	209-G2	N3
	Khối kiến thức ngành theo định hướng bắt buộc	*12/15*		*68*						
ELT3163	Mạng truyền thông di động	3	ELT3163 26	60	TS. Đinh Thị Thái Mai	Chiều	5	7-9	210-GĐ3	T.Anh
ELT3168	Quản trị mạng viễn thông	3	ELT3168 26	60	PGS.TS. Nguyễn Quốc Tuấn	Chiều	5	10-12	210-GĐ3	T.Anh
ELT3056	Truyền thông vô tuyến	3	ELT3056 26	60	TS. Đinh Triều Dương	Sáng	3	1-3	208-GĐ3	T.Anh
ELT3098	Truyền thông vệ tinh	3	ELT3098 26	60	TS. Trần Cao Quyền	Sáng	7	1-3	208-GĐ3	T.Anh
ELT3069	Thiết kế hệ thống máy tính nhúng	3	ELT3069 26	35	TS. Nguyễn Kiêm Hùng	Sáng	6	1-2	207-GĐ3	T.Anh
ELT3069	Thiết kế hệ thống máy tính nhúng	3	ELT3069 26	35	TS. Nguyễn Kiêm Hùng	Chiều	3	11-12	PM202-G2	T.Anh
ELT3077	Hệ thống robot thông minh	3	ELT3077 26	60	TS. Nguyễn Thị Thanh Vân	Sáng	6	3-5	207-GĐ3	CL
ELT3071	Hệ thống nhúng thời gian thực	3	ELT3071 26	60	TS. Đặng Nam Khánh	Sáng	5	1-3	309-GĐ2	T.Anh
ELT3049	Hệ thống điều khiển số	3	ELT3049 26	60	TS. Nguyễn Thị Thanh Vân ThS. Đặng Anh Việt	Sáng	7	4-6	208-GĐ3	T.Anh
Lớp học phần dành cho sinh viên QH-2016-I/CQ ngành Khoa học máy tính										
INT4050	Khóa luận tốt nghiệp	10	INT4050 20	60	Khoa CNTT					

Mã học phần	Học phần	TC	Mã LHP	Số SV	Giảng viên	Buổi	Thứ	Tiết	Giảng đường	Ghi chú
INT3206	Cơ sở dữ liệu phân tán	3	INT3206 20	60	ThS. Vũ Bá Duy	Sáng	4	3-5	210-GĐ3	T.Anh
INT3411	Xử lý tiếng nói	3	INT3411 20	60	TS. Trần Quốc Long	Chiều	6	10-12	209-GĐ3	CL
INT3409	Robotic	3	INT3409 20	60	TS. Tạ Việt Cường	Sáng	4	1-2	210-GĐ3	CL
INT3409	Robotic	3	INT3409 20	60	HVCH. Nguyễn Đình Tuân	Chiều	6	7-8	PM201-G2	N1
INT3409	Robotic	3	INT3409 20	60	HVCH. Nguyễn Tuấn Anh	Chiều	6	9-10	PM201-G2	N2
INT3402	Chương trình dịch	3	INT3402 20	60	PGS.TS. Nguyễn Phương Thái	Chiều	5	10-12	209-GĐ3	CL
INT3413	Web ngữ nghĩa	3	INT3413 20	60	PGS.TS. Lê Hoàng Sơn	Chiều	5	7-9	209-GĐ3	CL
INT3412	Thị giác máy	3	INT3412 20	60	PGS.TS. Lê Thanh Hà	Sáng	6	1-3	209-GĐ3	CL
INT3404	Xử lý ảnh	3	INT3404 20	60	TS. Nguyễn Thị Ngọc Diệp	Chiều	2	8-10	209-GĐ3	CL
INT3405	Học máy	3	INT3405 20	60	TS. Trần Quốc Long	Sáng	6	4-6	206-GĐ3	CL
INT3405	Học máy	3	INT3405 21	40	TS. Lê Quang Hiếu	Sáng	5	4-6	213-GĐ3	CL
INT3505	Kiến trúc hướng dịch vụ	3	INT3505 20	60	TS. Võ Đình Hiếu	Sáng	5	1-3	107-G2	CL
Lớp học phần dành cho sinh viên QH-2016-I/CQ nhóm ngành Công nghệ kỹ thuật Điện tử, truyền thông										
ELT3086	Thực tập chuyên đề	3	ELT3086 26	20	TS. Trần Cao Quyền ThS. Chu Thị Phương Dung	Sáng	6	1-5	705-E3	N1
ELT3086	Thực tập chuyên đề	3	ELT3086 27	20	TS. Trần Thị Thúy Quỳnh ThS. Chu Thị Phương Dung	Sáng	5	1-5	705-E3	N2
ELT3086	Thực tập chuyên đề	3	ELT3086 28	20	TS. Lưu Mạnh Hà ThS. Chu Thị Phương Dung	Sáng	4	1-5	705-E3	N3
ELT4053	Khóa luận tốt nghiệp	10	ELT4053 26	62	Khoa ĐTVT				Khoa ĐTVT	
PHI1005	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 2 (dành cho sv K63 trở về trước có nhu cầu học tập)	3	PHI1005 1	90	TS. Nguyễn Thị Thu Hường	Sáng	7	1-3	103-G2	
Các học phần giáo dục thể chất										
PES 1003	Lý luận GDTC và các môn TT cơ bản (Điền kinh)	1	PES 1003 5	55	Trung tâm GDTC	Chiều	4	1-2	Sân VĐ ĐHNN	
PES 1003	Lý luận GDTC và các môn TT cơ bản (Điền kinh)	1	PES 1003 6	55	Trung tâm GDTC	Chiều	4	3-4	Sân VĐ ĐHNN	
PES 1003	Lý luận GDTC và các môn TT cơ bản (Điền kinh)	1	PES 1003 7	55	Trung tâm GDTC	Sáng	5	1-2	Sân VĐ ĐHNN	
PES 1003	Lý luận GDTC và các môn TT cơ bản (Điền kinh)	1	PES 1003 8	55	Trung tâm GDTC	Sáng	5	3-4	Sân VĐ ĐHNN	
PES 1015	Bóng chuyền 1	1	PES 1015 25	55	Trung tâm GDTC	Sáng	3	1-2	Sân VĐ ĐHNN	
PES 1015	Bóng chuyền 1	1	PES 1015 26	55	Trung tâm GDTC	Sáng	3	3-4	Sân VĐ ĐHNN	
PES 1015	Bóng chuyền 1	1	PES 1015 27	55	Trung tâm GDTC	Sáng	4	1-2	Sân VĐ ĐHNN	
PES 1015	Bóng chuyền 1	1	PES 1015 28	55	Trung tâm GDTC	Sáng	4	3-4	Sân VĐ ĐHNN	
PES 1015	Bóng chuyền 1	1	PES 1015 29	55	Trung tâm GDTC	Chiều	4	1-2	Sân VĐ ĐHNN	

Mã học phần	Học phần	TC	Mã LHP	Số SV	Giảng viên	Buổi	Thứ	Tiết	Giảng đường	Ghi chú
PES 1015	Bóng chuyền 1	1	PES 1015 30	55	Trung tâm GDTC	Chiều	4	3-4	Sân VĐ ĐHNN	
PES 1015	Bóng chuyền 1	1	PES 1015 31	55	Trung tâm GDTC	Chiều	5	1-2	Sân VĐ ĐHNN	
PES 1015	Bóng chuyền 1	1	PES 1015 32	55	Trung tâm GDTC	Chiều	5	3-4	Sân VĐ ĐHNN	
PES 1017	Bóng chuyền hơi	1	PES 1017 29	55	Trung tâm GDTC	Chiều	2	1-2	Sân VĐ ĐHNN	
PES 1017	Bóng chuyền hơi	1	PES 1017 30	55	Trung tâm GDTC	Chiều	2	3-4	Sân VĐ ĐHNN	
PES 1017	Bóng chuyền hơi	1	PES 1017 33	55	Trung tâm GDTC	Chiều	6	1-2	Sân VĐ ĐHNN	
PES 1017	Bóng chuyền hơi	1	PES 1017 34	55	Trung tâm GDTC	Chiều	6	3-4	Sân VĐ ĐHNN	
PES 1017	Bóng chuyền hơi	1	PES 1017 31	55	Trung tâm GDTC	Sáng	4	1-2	Sân VĐ ĐHNN	
PES 1017	Bóng chuyền hơi	1	PES 1017 32	55	Trung tâm GDTC	Sáng	4	3-4	Sân VĐ ĐHNN	
PES 1025	Bóng đá 1	1	PES 1025 5	55	Trung tâm GDTC	Chiều	3	1-2	Sân VĐ ĐHNN	
PES 1025	Bóng đá 1	1	PES 1025 6	55	Trung tâm GDTC	Chiều	3	3-4	Sân VĐ ĐHNN	
PES 1025	Bóng đá 1	1	PES 1025 9	55	Trung tâm GDTC	Sáng	6	1-2	Sân VĐ ĐHNN	
PES 1025	Bóng đá 1	1	PES 1025 10	55	Trung tâm GDTC	Sáng	6	3-4	Sân VĐ ĐHNN	
PES 1025	Bóng đá 1	1	PES 1025 7	55	Trung tâm GDTC	Sáng	5	1-2	Sân VĐ ĐHNN	
PES 1025	Bóng đá 1	1	PES 1025 8	55	Trung tâm GDTC	Sáng	5	3-4	Sân VĐ ĐHNN	
PES 1020	Bóng rổ 1	1	PES 1020 31	55	Trung tâm GDTC	Chiều	2	1-2	Sân VĐ ĐHNN	
PES 1020	Bóng rổ 1	1	PES 1020 32	55	Trung tâm GDTC	Chiều	2	3-4	Sân VĐ ĐHNN	
PES 1020	Bóng rổ 1	1	PES 1020 33	55	Trung tâm GDTC	Sáng	3	1-2	Sân VĐ ĐHNN	
PES 1020	Bóng rổ 1	1	PES 1020 34	55	Trung tâm GDTC	Sáng	3	3-4	Sân VĐ ĐHNN	
PES 1020	Bóng rổ 1	1	PES 1020 35	55	Trung tâm GDTC	Chiều	3	1-2	Sân VĐ ĐHNN	
PES 1020	Bóng rổ 1	1	PES 1020 36	55	Trung tâm GDTC	Chiều	3	3-4	Sân VĐ ĐHNN	
PES 1020	Bóng rổ 1	1	PES 1020 38	55	Trung tâm GDTC	Sáng	4	1-2	Sân VĐ ĐHNN	
PES 1020	Bóng rổ 1	1	PES 1020 37	55	Trung tâm GDTC	Sáng	4	3-4	Sân VĐ ĐHNN	
PES 1020	Bóng rổ 1	1	PES 1020 39	55	Trung tâm GDTC	Chiều	5	1-2	Sân VĐ ĐHNN	
PES 1020	Bóng rổ 1	1	PES 1020 40	55	Trung tâm GDTC	Chiều	5	3-4	Sân VĐ ĐHNN	
PES 1030	Bóng bàn 1	1	PES 1030 3	55	Trung tâm GDTC	Chiều	4	1-2	Sân VĐ ĐHNN	
PES 1030	Bóng bàn 1	1	PES 1030 4	55	Trung tâm GDTC	Chiều	4	3-4	Sân VĐ ĐHNN	
PES 1030	Bóng bàn 1	1	PES 1030 5	55	Trung tâm GDTC	Sáng	5	1-2	Sân VĐ ĐHNN	
PES 1030	Bóng bàn 1	1	PES 1030 6	55	Trung tâm GDTC	Sáng	5	3-4	Sân VĐ ĐHNN	
PES 1035	Cầu lông	1	PES 1035 3	55	Trung tâm GDTC	Chiều	5	1-2	Sân VĐ ĐHNN	
PES 1035	Cầu lông	1	PES 1035 4	55	Trung tâm GDTC	Chiều	5	3-4	Sân VĐ ĐHNN	
PES 1035	Cầu lông	1	PES 1035 5	55	Trung tâm GDTC	Sáng	6	1-2	Sân VĐ ĐHNN	

Mã học phần	Học phần	TC	Mã LHP	Số SV	Giảng viên	Buổi	Thứ	Tiết	Giảng đường	Ghi chú
PES 1035	Cầu lông	1	PES 1035 6	55	Trung tâm GDTC	Sáng	6	3-4	Sân VĐ ĐHNN	
PES 1050	Taekwondo	1	PES 1050 19	55	Trung tâm GDTC	Sáng	2	1-2	Sân VĐ ĐHNN	
PES 1050	Taekwondo	1	PES 1050 20	55	Trung tâm GDTC	Sáng	2	3-4	Sân VĐ ĐHNN	
PES 1040	Tenniss	1	PES 1040 3	55	Trung tâm GDTC	Sáng	2	1-2	Sân VĐ ĐHNN	
PES 1040	Tenniss	1	PES 1040 4	55	Trung tâm GDTC	Sáng	2	3-4	Sân VĐ ĐHNN	

Ghi chú:

- Địa điểm: Viện Cơ: Viện cơ học, 264 Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội
- CL: Cả lớp (Học lý thuyết)
- N1, N2, N3: Nhóm (thực hành/bài tập) 1, 2, 3 và bắt đầu học tuần từ 3/9/2019 (học sau lý thuyết 1 tuần)
- Sinh viên có nguyện vọng đăng ký học học phần Tin học cơ sở 4 (mã học phần INT1006) sẽ đăng ký học môn Nhập môn lập trình (mã học phần INT1008) để thay thế tương đương.
- T.Anh: các học phần giảng dạy bằng ngôn ngữ tiếng Anh.